

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2023/DS- ST**
Ngày 27/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ninh
2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST- DS ngày 20/6/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 24/2023/QĐ- HPT ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lã Thị T, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: thôn Cây Xy, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện tại: thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- ***Bị đơn:*** Bà Lâm Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ dân phố Thắng Quân, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; (*vắng mặt lần 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lã Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên tháng 7/2021 bà Lâm Thị N hỏi vay và được bà cho vay số tiền là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*). Khi vay tiền hai bên lập giấy vay tiền vào ngày 17/7/2021. Thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất do là chỗ quen biết, vay nóng nên bà không tính lãi. Khi vay tiền bà N nói vay để giải quyết công việc gia đình. Theo thỏa thuận đến ngày 17/8/2021 bà N phải trả bà số

tiền trên. Tuy nhiên quá thời hạn trên bà đã đòi nhiều lần nhưng bà N chỉ hứa hẹn mà không trả. Sau đó bà N tắt điện thoại không liên lạc được, bà đến nhà bà N tìm thì gặp cả bà N và bố mẹ đẻ của bà N đều ở nhà. Sau khi nói chuyện thì mẹ đẻ bà N hứa là sẽ bán ruộng để trả nợ thay cho bà N. Việc hứa hẹn chỉ bằng lời nói không làm giấy tờ gì. Sau đó mẹ con bà N đều thực hiện không đúng lời hứa, bà đòi nhiều lần thì mẹ bà N nói là trước đây bà N nghe lời thì mới nhận trả, nay bà N bỏ đi đâu không biết nên bà không trả cho bà N nữa.

Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y buộc bà Lâm Thị N phải trả nợ cho bà số tiền vay là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*), tiền lãi từ khi vay đến nay bà không tính.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đầy đủ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà N không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại buổi mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà T và Tòa án đã trực tiếp liên hệ với bà N nhiều lần bằng số điện thoại do bà T cung cấp, bà N có nghe điện thoại và trao đổi xác nhận khoản nợ nhưng đề nghị được trả dần. Tòa án đã yêu cầu bà N có mặt tại Tòa án hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến nhưng bà N không thực hiện. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Viện kiểm sát xác định việc vay tiền giữa bà N và bà T không có người làm chứng, không thông qua cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, không ai biết hay xác nhận việc vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án không có lời khai xác nhận của bà N về việc vay tiền, chứng cứ (giấy vay tiền) và lời khai đều từ một phía bà T cung cấp. Việc xác minh thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ và chứng minh Tòa án chưa thực hiện đầy đủ. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị T về việc buộc bà Lâm Thị N có nghĩa vụ trả nợ số tiền 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*). Bà Lã Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/7/2021 bà N vay tiền bà T, chứng cứ là giấy vay tiền, thời hạn vay là 01 tháng. Quá hạn bà N không trả, do đó bà T được quyền khởi kiện. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, do đó tranh chấp còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà T khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ số tiền đã vay theo giấy vay tiền do bà N lập. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản)* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn Y, huyện Y. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định: nguyên đơn nộp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 17/7/2021 trong đó có nội dung: “....*Hôm nay ngày 17 tháng 7 năm 2021 tôi có vay tiền của bà Lã Thị T với số tiền là 40.000.000đ (bằng chữ: bốn mươi triệu). Thời gian vay từ ngày 17 tháng 7 năm 2021 đến ngày 17 tháng 8 2021 tôi sẽ trả đủ số tiền trên....*”. Mục người cho vay tiền ký tên “T – Lã Thị T”; mục người vay tiền ký tên “N – Lâm Thị N”. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu tập làm việc hợp lệ cho bà N nhưng bà N đều không đến Tòa án làm việc. Không có văn bản trình bày ý kiến phản bác hoặc chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã xác minh tại địa phương xác định bà Lâm Thị N có số chứng minh nhân dân như ghi trong giấy vay tiền cư trú tại tổ dân phố Thắng Quân, thị trấn Y, huyện Y nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, do không khai báo nên địa phương không xác định được bà N đi đâu làm gì. Đối với các văn bản Tòa án yêu cầu hỗ trợ tổng đạt, do bà N đi về thất thường, không có người thân nào cư trú cùng nên chính quyền địa phương không tổng đạt được. Do đó trường hợp này xác định bà N đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành thu thập các mẫu chữ ký chữ viết của bà N để làm căn cứ giám định chữ ký trong giấy vay tiền nhưng không thu thập được. Do đó việc cung cấp chứng cứ để chứng minh chữ ký chữ viết mục người vay thuộc về trách nhiệm của bà Lâm Thị N. Bà N giấu địa chỉ, không có ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là do bà N không thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. HĐXX xét thấy giấy vay tiền ngày

17/7/2021 là bản chính có chữ ký “Nhâm – Lâm Thị N”, nguyên đơn đã giao nộp bản gốc giấy vay tiền và cam kết chịu trách nhiệm đối với chứng cứ do mình giao nộp, việc giao nộp chứng cứ của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Giấy vay tiền ngày 17/7/2021 là tài liệu đọc được nội dung và là bản chính nên được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 95 BLTTDS. Mặt khác bị đơn không có ý kiến phản đối đối với tài liệu là giấy vay tiền do nguyên đơn giao nộp nên được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Trường hợp bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó, điều này phù hợp với Điều 6 phần những nguyên tắc cơ bản của BLTTDS quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự.

Ngoài ra căn cứ lời khai của ông Lâm Văn Chung và bà Nguyễn Thị Thu (bố mẹ đẻ bà N) thì bà T có cho bà N con gái ông bà vay nợ là đúng, sau đó ông bà có đứng ra nhận trả nợ thay nhưng sau đó con gái ông bà tự bỏ đi nên ông bà không đồng ý trả hộ nữa. Việc hẹn trả thay giữa ông bà và bà T, bà N cũng không làm giấy tờ gì.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy có căn cứ buộc bà Lâm Thị N phải trả nợ cho bà Lã Thị T số tiền vay nợ là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Bà T không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét. Đề nghị của Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị T không có căn cứ xem xét.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* của bà Lã Thị T đối với bà Lâm Thị N.

Buộc bà Lâm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lã Thị T số tiền vay nợ là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lâm Thị N phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền án phí. Bà Lã Thị T không phải chịu án phí, trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006343 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thắng

Đặng Thị Huệ

Nguyễn Văn Toàn

